

Bản án số: 01/2019/HC-PT.
Ngày: 23-5-2019
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh
vực thu hồi đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Sanh Hiền

Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Châu Thùy Tam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 01 năm 2019 về “*khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thu hồi đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐPT-HC ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Trần Thị Ngọc L**, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 12, ấp Thuận Tiến, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Luật sư Trần Vĩnh K
– Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Khu phố Đường Hòn, thị trấn B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Phạm Thanh V – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Khu phố Đường Hòn, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Phạm Thanh V – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Ông Ngô Văn B, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 12, ấp Thuận Tiến, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn C – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chu Tường N, sinh năm 1979 – Chức vụ: Trưởng Bộ phận Pháp chế và xử lý nợ - Phòng Pháp chế và Xử lý nợ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Trần Thị Ngọc L trình bày:

Năm 2000, hộ gia đình bà Trần Thị Ngọc L, ông Ngô Văn B được nhà nước giao cấp diện tích đất 38.400m², tờ bản đồ số 01, thửa đất số 09, đất tọa lạc tại ấp Thuận Tiến, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Tại thời điểm này, liền kề với diện tích đất được cấp có 66.423m² đất bỏ hoang không người sử dụng, gia đình bà L đã khai phá, sử dụng cho đến nay không có tranh chấp. Đối với diện tích đất được giao gia đình bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002. Còn diện tích khai phá chưa được cấp giấy chứng nhận.

Ngày 10/6/2009, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H ban hành quyết định số 1708/QĐ-UBND thu hồi đất diện tích 66.423m² do bao chiếm trái pháp luật của ông Ngô Văn B (chồng bà L).

Không đồng ý với quyết định này nên ông B làm đơn khiếu nại. Ngày 25/12/2009 Chủ tịch UBND huyện H ban hành quyết định số 4342/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại hủy quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 10/6/2009 của UBND huyện H.

Ngày 11/3/2010 UBND huyện H ban hành Quyết định số 1085/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất là 66.423m² của bà Trần Thị Ngọc L. Bà L làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện H. Ngày 08/4/2014 UBND huyện H ban hành Quyết định số 1158/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà L, nội dung giữ nguyên Quyết định thu hồi đất số 1085/QĐ-UBND của UBND huyện H.

Bà L cho rằng việc UBND huyện H ban hành quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 11/3/2010 về việc thu hồi đất của bà và Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 giải quyết khiếu nại là không đúng. Diện tích đất 66.423m² từ năm 1999 là đất bỏ hoang. Nhà nước cũng không thực hiện việc quản lý phần đất này và chưa quy hoạch sử dụng, chính quyền địa phương không có văn bản ngăn chặn hay xử phạt vi phạm hành chính. Trong quá trình sử dụng đất gia đình bà đã bỏ ra nhiều công sức và tiền bạc cải tạo, bồi đắp đất để trồng được lúa như ngày hôm nay. Ngoài ra, gia đình bà đã xây nhà ở ổn định và trồng nhiều cây lâu năm trên đất.

Đối với phần đất diện tích 66.423m² này, bà L đang thế chấp cùng với phần đất diện tích 38.400m² mà ông Ngô Văn B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng TMCP K. Hiện nay hợp đồng vay chưa tới hạn thanh lý.

Từ những cơ sở trên, bà L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H. Đồng thời bà yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ diện tích 66.423m² cho gia đình bà tiếp tục sử dụng, bởi toàn bộ diện tích này từ trước đến nay bà là người quản lý, sử dụng và yêu cầu UBND

huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H và người đại diện trình bày:

Đối với diện tích đất 66.423m² (trong đó có diện tích đất bờ kênh K7 là 7.965m² và bờ kênh KH7 là 357m²) nằm trong khu vực 1.400 ha thuộc ấp Thuận Tiên, xã B, huyện H, Kiên Giang có nguồn gốc như sau: Trước năm 1999 đất là của Sư Đoàn 4 quản lý, sử dụng. Sau năm 1999 thì giao lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ và bảo vệ biên giới thuộc Sở Nông nghiệp quản lý. Năm 2000 đến năm 2002 phòng địa chính – giao thông – công nghiệp huyện (nay là Phòng TMMT huyện) kết hợp Ban quản lý rừng phòng hộ và bảo vệ biên giới tiến hành đo đạc, lập sơ đồ giải thửa, giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân theo danh sách của Ban quản lý rừng để trồng rừng sản xuất. Theo đó hộ ông B, bà L được giao diện tích là 38.400m². Đến ngày 27/3/2002 thì được cấp giấy chứng nhận QSD đất số 26305/QSDĐ/275/QĐ-UBND tờ bản đồ số 01, thửa đất số 09, diện tích 38.400m², mục đích sử dụng rừng trồng sản xuất, thời hạn sử dụng tháng 10/2023, đất tọa lạc tại ấp Thuận Tiên, xã B, H, Kiên Giang.

Sau khi thực hiện việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân, diện tích đất còn dư là 66.423m² (bao gồm cả bờ kênh K7 và bờ kênh KH7) chưa được giao cấp. Do thấy phần đất không người sử dụng nên gia đình ông B và bà L tự ý thuê máy vào trang ủi để sản xuất lúa; phần đất cạp bờ kênh k7 và bờ kênh KH7 ông B, bà L cất nhà và trồng bạch đàn, tràm. Việc ông B, bà L bao chiếm đất do nhà nước quản lý là vi phạm Điều 6 Luật Đất đai năm 1993, Điều 15 Luật Đất đai năm 2003. Do đó ngày 11/3/2010 Phòng TMNT huyện đã tham mưu cho UBND huyện ban hành Quyết định số 1085/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 66.423m² đất nông nghiệp do bà Trần Thị Ngọc L đang bao chiếm, sử dụng, bà L không đồng ý nên làm đơn khiếu nại. Phần đất này Ban quản lý rừng phòng hộ và bảo vệ biên giới thuộc Sở Nông nghiệp đã bàn giao lại cho địa phương để quản lý.

Qua xem xét đơn khiếu nại của bà L, ngày 08/4/2014 chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định 1158/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại

của bà L (lần đầu). Căn cứ Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, chương II Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 thì việc Chủ tịch UBND ban hành Quyết định 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. Về nội dung giải quyết thu hồi diện tích đất 66.423m² của bà L là phù hợp với quy định của pháp luật; bởi vì phần đất này gia đình bà L tự ý vào bao chiếm đất của nhà nước.

Do đó, việc bà Trần Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên Quyết định nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Ngô Văn B:** Không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- **UBND huyện H:** không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Ngân hàng TMCP K trình bày:

Ngân hàng chỉ nhận thế chấp tài sản đối với diện tích đất bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 38.400 m². Phần đất bị thu hồi chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngân hàng không nhận thế chấp. Ngân hàng không có ý kiến đối với vụ kiện của bà L. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc L về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, bà Trần Thị Ngọc L có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa

bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-VKS-HC kháng nghị bản án sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H với nội dung: Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại. Đồng thời xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 11/3/2010 của UBND huyện H về việc thu hồi đất của bà L.

Bà L cho rằng diện tích đất 66.423m² bị UBND huyện H thu hồi là tài sản chung của gia đình bà không phải của cá nhân bà L. Từ năm 2000 gia đình bà đã bỏ nhiều công sức cải tạo đất, cất hai căn nhà, trồng tràm, bạch đàn, khoan cây nước và trồng lúa ổn định. Từ khi vào sử dụng đến nay không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp Nhà nước có thu hồi thì phải bồi thường tài sản trên đất và giá trị đầu tư vào đất cho gia đình bà. UBND huyện H xác định đất do bà L bao chiếm, thu hồi đất không bồi thường là không phù hợp.

Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L xác định: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa đầy đủ các thành viên trong hộ gia đình bà L, Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biên và bảo vệ biên giới tỉnh Kiên Giang vào tham gia giải quyết vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất bị thu hồi. Đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng nhưng không nhận định về tính hợp pháp của quyết định thu hồi đất. Đơn khởi kiện

của bà L có nhiều yêu cầu, trường hợp yêu cầu nào không thuộc thẩm quyền thì Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết nhưng Hội đồng xét xử chỉ nhận định không thuộc thẩm quyền mà không xử lý là chưa phù hợp.

Tuy nhiên, vì Quyết định giải quyết khiếu nại số 1158/QĐ-UBND và Quyết định thu hồi đất số 1085/QĐ-UBND được ban hành không đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy hai quyết định nêu trên.

Đại diện VKSND tỉnh Kiên Giang rút lại một phần kháng nghị đối với nội dung yêu cầu Tòa án hủy bản án hành chính sơ thẩm của TAND huyện H.

Bản án sơ thẩm có nhiều sai sót về thủ tục tố tụng như đã nêu trong kháng nghị. Tuy nhiên, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1085/QĐ-UBND thu hồi đất đối với bà L mà không xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản trên đất cũng như giá trị đầu tư còn lại đối với diện tích đất thu hồi là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Vì vậy, cần phải hủy bỏ. Quyết định thu hồi đất đất bị hủy thì Quyết định giải quyết khiếu nại số 1158/QĐ-UBND cũng bị hủy. Do đó, không cần thiết hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm số: 01/2018/HC-ST ngày 08/11/2018 của TAND huyện H theo hướng hủy Quyết định thu hồi đất số 1085/QĐ-UBND ngày 11/3/2010 của UBND huyện H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H. TAND huyện H cần rút kinh nghiệm đối với những vụ án tương tự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vụ án được TAND huyện H thụ lý ngày 28/6/2016 đến ngày 08/11/2018 xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Người đại diện của Chủ tịch UBND huyện H ông Phạm Thanh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Ngô Văn B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính xét xử vắng mặt đối với người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan.

Bà L xác định diện tích đất bị thu hồi là tài sản chung của gia đình bà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa tất cả những người con của bà L, ông B vào tham gia tố tụng là có thiếu sót.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không liên quan đến diện tích đất bị thu hồi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

Để xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Ngọc L cần phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định thu hồi đất số 1085/QĐ-UBND ngày 11/3/2010 của UBND huyện H.

Căn cứ vào nội dung văn bản trình bày ý kiến của Chủ tịch UBND huyện H và nội dung quyết định giải quyết khiếu nại và các tài liệu chứng cứ do UBND huyện H cung cấp thì trong diện tích đất 66.423m² có diện tích 8.322m² là đất bờ kênh K7 & KH7, còn lại là đất trồng lúa. Toàn bộ diện tích đất này tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất thì gia đình bà L đang quản lý sử dụng. Trên bờ kênh gia đình bà L trồng tràm, bạch đàn, cất nhà ở. Thời điểm sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Đất của vợ chồng bà L bị thu hồi được UBND huyện H xác định là đất chưa sử dụng bị lấn chiếm theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003: “Đất chưa sử dụng bị lấn, chiếm”.

Theo định nghĩa tại khoản 3 Điều 12 Luật Đất đai năm 2003 thì “nhóm đất chưa sử dụng bao gồm các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng”. Như đã nêu ở trên trong diện tích đất bà L bị thu hồi có diện tích 8.322m² đất bờ kinh là đất đã xác định mục đích sử dụng, không thuộc nhóm đất chưa sử dụng. Trong trường hợp cần phải thu hồi thì phải áp dụng căn cứ pháp luật khác không phải áp dụng điểm a khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai.

Đối với diện tích đất 58.101m² còn lại UBND huyện H chưa quy hoạch mục đích sử dụng, nếu UBND huyện xác định đất này bị lấn chiếm thì cần phải xem xét quy định tại khoản 5 Điều 97 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về đất tự khai hoang, đất chưa sử dụng bị bao chiếm: “Trường hợp đất chưa sử dụng bị bao chiếm nhưng không đầu tư, cải tạo để đưa vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất”.

Toàn bộ diện tích đất bị thu hồi nếu là đất chưa sử dụng thì cũng đã được vợ chồng bà L đầu tư, cải tạo đưa vào sử dụng và có tài sản, thành quả lao động trên đất nên không thuộc trường hợp phải thu hồi.

Trong trường hợp phải thu hồi diện tích đất trên để sử dụng vào mục đích khác UBND huyện cần phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 132 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ để xác định giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật để xem xét bồi thường.

Về đối tượng bị thu hồi đất: Tháng 4 năm 2009 UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND thu hồi đất của ông Ngô Văn B (chồng bà L) sau đó đã thu hồi Quyết định số 968/QĐ-UBND. Đến ngày 10/6/2009 tiếp tục ban hành Quyết định số 1708/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất trên của ông Ngô Văn B.

Sau khi ông B khiếu nại Chủ tịch UBND huyện cho rằng Quyết định số 1708/QĐ-UBND chưa thực hiện đúng về trình tự, thủ tục nên đã hủy bỏ Quyết định số 1708/QĐ-UBND.

Đến ngày 11/3/2010 UBND huyện ban hành Quyết định số 1085/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 66.423m² đối với bà Trần Thị Ngọc L.

Bà L và ông B là vợ chồng, họ đã xác định diện tích đất này do hộ gia đình gồm vợ chồng bà L và 03 người con cùng khai phá sử dụng. Nhưng UBND huyện H đã không xác định được diện tích đất thu hồi đất do ai đang sử dụng và dựa trên cơ sở nào mà lại ban hành các quyết định thu hồi một diện tích đất nhưng khác đối tượng sử dụng.

Quyết định thu hồi đất số 1085/QĐ-UBND đã thực hiện không đúng trình tự thủ tục, áp dụng pháp luật chưa phù hợp, xác định đối tượng sử dụng đất chưa rõ ràng. Khi nhận đơn khiếu nại của bà L, Chủ tịch UBND huyện H không xem xét lại các vấn đề này đã quyết định bác đơn khiếu nại của bà L là chưa phù hợp.

Tòa cấp sơ thẩm không nhận định về các sai sót của quyết định thu hồi đất, cho rằng bà Trần Thị Ngọc L đã có hành vi bao chiếm đất của Nhà nước nên UBND huyện H ban hành quyết định thu hồi là đúng. Nhận định này không phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích ở trên.

Quyết định thu hồi đất số 1085/QĐ-UBND ngày 11/3/2010 của UBND huyện H trái quy định của pháp luật nên cần phải hủy bỏ. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H giữ nguyên quyết định thu hồi đất, quyết định thu hồi đất bị hủy nên quyết định giải quyết khiếu nại cũng bị hủy.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc L và luật sư, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Kiên Giang. Hủy Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 11/3/2010 của UBND huyện H về việc thu hồi đất và Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Ngọc L. Buộc UBND huyện H thực hiện công vụ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm: Bà L không phải chịu. Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H mỗi đương sự phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Hoàn tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện bà Trần Thị Ngọc L.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà L không phải chịu. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà L.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 158, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng vào Điều 38 Luật Đất đai năm 2003; Điều 132 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Điều 32, 34 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc L. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Hủy Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 11/3/2010 của UBND huyện H về việc thu hồi đất của bà Trần Thị Ngọc L.

- Hủy Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Ngọc L.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện công vụ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); Ủy ban nhân dân huyện H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc L tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số

0009068 ngày 28/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc L tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009162 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND, CTHADS huyện H;
- UBND huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu